

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HS - ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn và ông Nguyễn Quang Kim.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Thế Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2023/TLST-HS ngày 27/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **109/2023/QĐXXST-HS ngày 12/7/2023** và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HS ngày 25/7/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị O, sinh năm 1983; Giới tính: Nữ.

- Tên gọi khác: L.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm T, xã N, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Chỗ ở trọ: tổ dân phố S, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12.

- Con ông: Nguyễn Sỹ P, sinh năm 1949.

- Con bà: Lê Thị H, sinh năm 1952 (đã chết).

- Gia đình có 07 anh, chị em; bị cáo là con thứ năm.

- Chồng: Chưa có.

- Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Đào Văn T, sinh năm 1991;Giới tính: Nam.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn K, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12.

- Con ông: Không có.

- Con bà: Đào Thị T, sinh năm 1953.

- Gia đình có 01 con, bị cáo là con duy nhất.

- Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ- Công an huyện Việt Yên. (có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Phan Thanh N, sinh năm 1994; Giới tính: Nam.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12.

- Con ông: Phan Thanh Đ, sinh năm 1973.

- Con bà: Dương Thị C, sinh năm 1977.

- Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

- Vợ: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1994.

- Bị cáo có 01 con sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ- Công an huyện Việt Yên. (có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Quách Thị N, sinh năm 1993; Giới tính: Nữ.

- Tên gọi khác: Thủy.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 1, thị trấn V, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Chỗ ở trọ: tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 06/12.

- Con ông: Quách Văn D, sinh năm 1969.

- Con bà: Phan Thị T, sinh năm 1964.

- Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai.

- Chồng: Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (đã ly hôn).

- Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020.
- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 11/3/2023 đến ngày 20/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)
- * *Bị hại*: Nguyễn Văn P, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)
- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 1. Bà Dương Thị C, sinh năm 1977, Địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)
 2. Ông Trần Mạnh P, sinh năm 1978, Địa chỉ: tổ dân phố Kép, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)
 3. Chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1980, Địa chỉ: Khu 5, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)
 4. Bà Nguyễn Việt H, sinh năm 1968, Địa chỉ: thôn G, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)
- * Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1982, Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị O (tên thường gọi là L), sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm T, xã N, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; chỗ ở trọ: tổ dân phố S, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoảng đầu năm 2021, O thuê mặt bằng tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của ông Nguyễn Việt H- sinh năm 1968, trú tại thôn Giá Sơn, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang mở quán Caffe thư giãn, đấm lưng, massage cho khách, quán có 04 phòng được ngăn cách bằng tấm mê ca. Đầu tháng 3 năm 2023, O nảy sinh ý định trộm cắp tiền và tài sản của khách đến massage tại quán để bán lấy tiền chi tiêu nên O đã thuê thợ hàn cắt tấm vách ngăn bằng mê ca ở phòng massage số 03 để có 02 ô thoáng trong đó: một ô có kích thước (36x63)cm, rồi dùng tấm mê ca được cắt ra đặt tại vị trí cắt và một ô có kích thước (16x11)cm, tại vị trí cắt dùng một tấm mê ca có kích thước (22x16)cm để che lại, mục đích người bên ngoài quan sát được bên trong phòng massage để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của khách.

Sau đó, O nói với Đào Văn T- sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Phan Thanh N- sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và Quách Thị N (tên thường gọi là Thủy)- sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 1, thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở trọ: tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là nhân viên của quán và thống nhất. Khi có khách đến, Quách Thị N đưa khách vào phòng để massage, có nhiệm vụ làm cho khách không để ý đến tài sản, để tài sản ở vị trí gần ô thoáng; T ở bên ngoài sau khi khách vào phòng

massage sẽ đóng cửa quán; còn Phan Thanh N sẽ lấy tài sản của khách qua ô thoáng và đưa cho O để đem tài sản trộm cắp được đi bán lấy tiền chia nhau.

Khoảng 19 giờ ngày 10/3/2023, Đào Văn T đang trông quán Caffe thư giãn cho O thì có anh Nguyễn Văn P- sinh năm 1978, trú tại thôn Hữu Nghi, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến quán để đám lưng thư giãn, T gọi zalo cho Nguyễn Thị O báo có khách. Sau đó, O gọi zalo Quách Thị N đến quán. Thời điểm này, Phan Thanh N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển kiểm soát 29C1- 227.29 mượn của bà Dương Thị C- sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (là mẹ của Nam) từ nhà đến quán và đi vào phòng massage số 01 nằm đợi có khách để thực hiện hành vi trộm cắp. Khoảng 05 phút sau, Quách Thị N đến quán và đưa anh P vào phòng massage số 3, khi thấy anh P đã vào phòng massage, Phan Thanh N ra ngoài phòng khách cùng T đóng cửa quán lại. Trong phòng massage, anh P tự cởi quần áo, trong túi quần có số tiền 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax màu vàng, số seri F2LYRFHHKPH3, số máy MT522VN/A để trên chiếc giường phụ đặt cuối giường, sát gần ô thoáng rồi nằm úp mặt xuống gối trên giường, Quách Thị N đám lưng cho anh P và cố ý để anh P không ngồi dậy để quan sát tài sản để trong túi quần. Lúc này, Nam đi đến bên ngoài phòng massage số 3, dùng tay phải vạch mảnh che đã nhìn vào trong phòng thấy Quách Thị N đang đám lưng cho anh P và thấy quần anh P để ở cuối giường gần vách ngăn, Phan Thanh N dùng tay phải cho qua ô thoáng lục soát túi quần của anh P lấy được số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng. Cùng lúc này, O điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, biển kiểm soát 98L6- 9842 mượn của anh Trần Mạnh P- sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố Lèo, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang từ nơi trọ ở tổ dân phố S, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến cửa quán đứng đợi để Nam trộm cắp được tài sản mang ra đưa cho O mang đi tiêu thụ. Ngay sau khi Phan Thanh N trộm cắp được điện thoại và 500.000 đồng của anh P, Nam đã cầm ra cửa quán đưa cho O, O cầm điện thoại di động và số tiền 500.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô về phòng trọ tại tổ dân phố S, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi O rời đi khỏi quán, Phan Thanh N dùng tay đập vào cửa quán và hô to “Có Công an đến kiểm tra quán” đồng thời T cũng hô to “Thủy ơi, có Công an kiểm tra quán đây” mục đích của PN và T hô to để Quách Thị N biết được là PN, T đã lấy trộm được tài sản của khách, để Quách Thị N bỏ ra ngoài. Nghe thấy Tg hô to của PN và T, Quách Thị N biết PN và T đã lấy được tài sản của anh P, Quách Thị N nói với anh P “Có Công an kiểm tra” thì anh P bảo với Quách Thị N “Em ra trước đi anh ra sau”, Quách Thị N nhanh chóng ra khỏi phòng rồi về phòng trọ của mình tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; anh P mặc quần áo phát hiện bị mất điện thoại và số tiền 500.000 đồng nên anh P đi ra ngoài cửa quán nói với Phan Thanh N và T “Em ơi xem nhân viên em có cầm nhầm của anh cái điện thoại không”. Lúc này, Phan Thanh N đi vào phòng massage số 3 cùng với anh P tìm kiếm điện thoại của anh P nhưng không thấy điện thoại đâu. Sau đó, Phan Thanh N bảo với anh P “Đề em đi tìm nó” ý là đi tìm Quách Thị N để hỏi điện thoại cho anh P. Sau đó, Phan Thanh N điều khiển xe mô tô đi khỏi quán đến cầu vượt thị trấn N, huyện Việt Yên dừng xe lại, Phan Thanh N nghĩ chiếc điện thoại di động của anh P đặt mặt khẩu nếu bán đi sẽ chỉ được ít tiền nên nảy sinh ý định nói dối anh P là nhân

viên đã cầm điện thoại của anh P để anh P muốn chuộc điện thoại thì phải đưa tiền cho Phan Thanh N để đi lấy điện thoại trả anh P. Phan Thanh N dùng điện thoại gọi qua ứng dụng zalo cho T và bảo với T “Bảo với khách nhân viên cầm điện thoại của khách được 3.000.000 đồng ở quán bán cá, bảo khách có chuộc điện thoại không để em bảo quán giữ cho” (T hiểu PN đang đưa ra thông tin gian dối, T biết điện thoại của anh P đang do O quản lý vì khi Phan Thanh N đưa điện thoại cho O, T nhìn thấy), khi T nghe điện thoại của PN thì anh P đang đứng gần, T hỏi anh P nội dung như PN nói, anh P đồng ý chuộc điện thoại nên T trả lời PN là “Có”. Lúc này, Phan Thanh N tắt điện thoại rồi gọi cho O qua ứng dụng zalo và nói với O “Em bảo khách là nhân viên cầm điện thoại được 3.000.000 đồng, hỏi khách có chuộc lại không thì khách đồng ý chuộc lại, giờ em qua quán lấy tiền của khách rồi qua chỗ chị lấy điện thoại trả khách nhé” và được O đồng ý. Sau đó, Phan Thanh N về quán, nói với anh P “Có muốn chuộc điện thoại không”, anh P đồng ý chuộc điện thoại nhưng nói không có tiền mặt và nhờ T gọi điện thoại cho bạn tên là Nguyễn Đức S- sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để vay tiền, nhưng T không gọi; anh P tiếp tục nhờ Phan Thanh N đưa xuống nhà anh S vay tiền nhưng Phan Thanh N không đồng ý. Lúc này, chị Nguyễn Thị Hương (tên thường gọi là Hà), sinh năm 1980, trú tại khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là chủ quán Caffe thư giãn ở gần đó sang chơi, anh P nói chuyện với chị Hương về việc bị mất điện thoại và không có tiền chuộc điện thoại. Anh P đặt vấn đề vay chị Hương số tiền 3.000.000 đồng để chuộc điện thoại và đưa giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân cho chị Hương làm tin nên chị Hương đồng ý cho anh P vay tiền, chị Hương đã đưa cho PN 3.000.000 đồng, PN cầm số tiền chị Hương đưa rồi đi đến phòng trọ của O đưa cho O số tiền 3.000.000 đồng, O cầm tiền rồi đưa điện thoại di động của anh P cho PN. PN cầm điện thoại quay lại quán và đưa chiếc điện thoại của anh P cho chị Hương, chị Hương cầm điện thoại trả anh P. Sau khi nhận điện thoại, anh P dùng điện thoại chuyển khoản số tiền 3.100.000 đồng vào số tài khoản 101001076694 của chị Hương. Sau đó, chị Hương và PN bỏ đi, còn T và anh P ở lại quán. Anh P gọi điện thoại cho bạn là anh S nhờ đến quán nói chuyện về việc bị trộm chiếc điện thoại, sau đó phải mất 3.000.000 đồng để chuộc điện thoại. Khoảng 10 phút sau, anh S đến quán yêu cầu T trả lại 2.000.000 đồng, trong số tiền anh P bỏ ra để chuộc điện thoại, số tiền 1.000.000 đồng sẽ không tính toán nhưng T không trả nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. T gọi điện thoại thông báo cho O, khoảng 05 phút sau, O đến quán gặp anh S và anh P nói chuyện. Tại đây, anh S tiếp tục yêu cầu O trả lại anh P 2.000.000 đồng giữa hai bên tiếp tục xảy ra cãi nhau, sau đó O đồng ý trả 2.000.000 đồng cho anh P nhưng anh S lại không đồng ý nhận 2.000.000 đồng nên O để 2.000.000 đồng ở trên bàn trong quán rồi đi về phòng trọ. Ngay sau đó, anh Nguyễn Văn P trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên.

Trong các ngày 10/3/2023 và ngày 12/3/2023, lần lượt Đào Văn T, Quách Thị N và Phan Thanh N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của đồng phạm, tự nguyện giao nộp tài sản: T giao nộp số tiền 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12 màu xanh, số Imei: 350481/17/344951/1; Quách Thị N giao nộp 01 điện thoại

di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 màu xanh, số Imei 1: 865460056450505, số Imei 2: 865460056450513.

Ngày 11/3/2023, Cơ quan điều tra T hành khám nghiệm hiện trường tại quán Caffe thư giãn thuộc tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xác định: Quán có 04 phòng. Phòng số 03 có kích thước (2,6x2,9)m, có cửa vào kích thước (6,8x1,8)m, trong phòng kê một chiếc giường có kích thước (2,1x1,3)m, cao 0,55m. Trên giường có chăn, ga, gối đệm. Đầu giường có một chiếc giường phụ có kích thước (1,3x0,56)m, cao 63cm, trên giường có một chăn màu đỏ. Tại vị trí góc phòng phía Đông Bắc có một vết khuyết kích thước (36x63)cm, tại vị trí này có đặt một tấm che kích thước (36x63)cm, bằng mê ca. Trên tường tại vị trí cách đất 50cm, có vết khuyết kích thước (16x11)cm, tại vị trí này có một tấm mê ca có kích thước (22x16)cm để che.

Ngày 11/3/2023 và ngày 12/3/2023, Cơ quan điều tra T hành cho anh P, T và Quách Nam nhận dạng qua ảnh những người đã cùng bàn bạc trộm cắp tài sản của anh P ngày 10/3/2023 và tài sản trộm cắp được. Kết quả Đào Văn T nhận ra Nguyễn Thị O, Quách Thị N, Phan Thanh N là những người cùng tham gia với T trộm cắp tài sản của anh P ngày 10/3/2023; Quách Thị N nhận ra Nguyễn Thị O, Phan Thanh N, Đào Văn T là những người cùng tham gia với Quách Thị N trộm cắp tài sản của anh P ngày 10/3/2023; Phan Thanh N nhận ra Nguyễn Thị O, Quách Thị N, Đào Văn T là những người cùng tham gia với Nam trộm cắp tài sản của anh P ngày 10/3/2023; anh P nhận ra T là người anh đã gặp ở quán massage và gọi nhân viên đến massage, nhận ra Quách Thị N là nhân viên đã massage cho anh P, nhận ra Phan Thanh N là người anh P đưa tiền để chuộc chiếc điện thoại ngày 10/3/2023; Đào Văn T và Phan Thanh N nhận ra chiếc điện thoại di động Iphone Xsmax màu vàng là chiếc điện thoại mà PN đã lấy được của anh P ngày 10/3/2023.

Ngày 12/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị O- sinh năm 1983, trú tại xóm T, thôn N, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Cùng ngày, Cơ quan điều tra T hành khám xét khẩn cấp nơi ở trọ của O tại tổ dân phố S, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì. Ngày 17/3/2023, Cơ quan điều tra đã bắt giữ được O.

Ngày 14/3/2023, Cơ quan điều tra- Công an huyện Việt Yên đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone Xsmax màu vàng, bộ nhớ 64GB; 01 ốp nhựa trong dành cho Iphone Xsmax. Tại kết luận định giá tài sản số 40/HĐĐGTS ngày 14/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone Xsmax màu vàng, bộ nhớ 64GB, có trị giá 6.500.000 đồng; 01 ốp nhựa trong dành cho Iphone Xsmax có trị giá 10.000 đồng.

Ngày 07/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá giá trị của 01 phôi sim mạng viễn thông Viettel thời điểm bị O và đồng phạm chiếm đoạt. Tại kết luận định giá tài sản số 94/HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá

tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: Phôi sim nêu trên có giá trị 25.000 đồng.

Ngày 10/5/2023 và ngày 28/5/2023, Cơ quan điều tra T hành kiểm tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12 màu xanh, số Imei: 350481/17/344951/1 thu giữ của Đào Văn T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 màu xanh, số Imei 1: 865460056450505, số Imei 2: 865460056450513 thu giữ của Quách Thị N. Kết quả kiểm tra nội dung điện thoại của 02 chiếc điện thoại trên không phát hiện nội dung liên quan đến hành vi phạm tội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị O tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Nghệ An; quá trình điều tra xác minh O từng vào điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Nghệ An với chẩn đoán: Theo dõi rối loạn cảm xúc lưỡng cực và thu giữ được hồ sơ bệnh án của Nguyễn Thị O có liên quan. Ngày 10/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên trưng cầu giám định Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định tâm thần đối với Nguyễn Thị O. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số KL-GDPY ngày 31/5/2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: Nguyễn Thị O không bị tâm thần. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/3/2023, Nguyễn Thị O không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định, Nguyễn Thị O không bị bệnh tâm thần đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Ngày 01/6/2023, Cơ quan điều tra đề nghị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cung cấp thông tin chủ tài khoản và sao kê nội dung lịch sử giao dịch của tài khoản số 101001076694 của Nguyễn Thị Hương- sinh năm 1984, trú tại khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trong ngày 10/02/2023. Ngày 08/6/2023 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cung cấp thông tin số tài khoản 101001076694 mang tên NGUYEN THI HUONG, địa chỉ: SN 11 KHU 5 THI CAU, Thanh Pho Bac Ninh, số CMT: 125047165, số điện thoại đăng ký dịch vụ: 0936830628; sao kê tài khoản giao dịch xác nhận tài khoản này nhận được số tiền 3.100.000 đồng vào 20:11:44 ngày 10/3/2023 với nội dung “NGUYEN VAN PHUONG Chuyen tien”.

Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi trộm cắp tài sản ngày 10/3/2023 ở trên, các bị cáo Nguyễn Thị O, Đào Văn T, Phan Thanh N, Quách Thị N còn khai nhận thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản khoảng đầu tháng 3 năm 2023 tại quán Caffe khi quán có khách nhưng không nhớ cụ thể ngày nào, khách là ai, đặc điểm tài sản trộm cắp, số tiền trộm cắp được. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã ra thông báo truy tìm những người bị hại trong vụ việc trên nhưng đến nay chưa có kết quả nên Cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh khi nào xác định được bị hại trong vụ việc trên thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Trần Mạnh P khi cho Nguyễn Thị O mượn chiếc xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bà Dương Thị C khi cho Phan

Thanh N mượn chiếc xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cả anh Phẩm, bà Chín đều không biết các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên anh Phẩm, bà Chín không vi phạm pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Viết H là người cho Nguyễn Thị O thuê mặt bằng để mở quán Caffe thư giãn, ông Hồi không biết O lợi dụng địa điểm thuê để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng các bị cáo khác ngày 10/3/2023, nên ông Hồi không vi phạm pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 27/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo Quách Thị N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi nêu trên của Đào Văn T, Phan Thanh N, Nguyễn Thị O đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị O từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị O từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023.

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị O chấp hành hình phạt tù của hai tội từ 03 năm 08 tháng đến 04 năm 01 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Phan Thanh N từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 12/3/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Phan Thanh N từ 10 tháng đến 01 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 12/3/2023.

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Phan Thanh N chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 03 năm 07 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 12/3/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Đào Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/3/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Đào Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/3/2023.

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Đào Văn T chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 03 năm 02 tháng đến 03 năm 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/3/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Quách Thị N từ 02 năm 08 tháng đến 02 năm 11 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/3/2023 đến ngày 20/3/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12 màu xanh của Đào Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 màu xanh của Quách Thị N.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước, buộc Nguyễn Thị O phải nộp lại số tiền bán điện thoại 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị O, Phan Thanh N, Quách Thị N phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đào Văn T được miễn án phí.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng điều tra viên, kiểm sát viên, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3]. Về tội danh: Đầu tháng 3 năm 2023, Nguyễn Thị O là chủ quán Cà phê thư giãn tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của khách đến massage, O đã thuê thợ hàn để cắt ô thoáng ở phòng massage, để nhân viên của quán lấy trộm tài sản của khách qua ô thoáng, Nguyễn Thị O phân công nhiệm vụ cụ thể cho Quách Thị N có nhiệm vụ khi massage cho khách sẽ tìm cách để khách quản lý tài sản sơ hở, để Phan Thanh N trực tiếp trộm cắp tài sản, Đào Văn T là người cảnh giới. Khoảng 19 giờ ngày 10/3/2023, tại quán Caffe thư giãn ở tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; O cùng với Quách Thị N, Phan Văn Nam, Đào Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị 7.035.000 đồng, bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động Iphone Xsmax, có trị giá 6.535.000 đồng và số tiền 500.000 đồng của anh Nguyễn Văn P- sinh năm 1978, trú tại thôn Hữu Nghi, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại di động của anh P, Phan Thanh N, Đào Văn T và Nguyễn Thị O đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng của anh P.

Hành vi nêu trên của Quách Thị N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi nêu trên của Đào Văn T, Phan Thanh N, Nguyễn Thị O đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tội Trộm cắp tài sản:

+ Bị cáo Nguyễn Thị O: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người phạm tội sửa chữa, khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Phan Thanh N: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại; sau khi phạm tội đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người phạm tội sửa chữa, khắc phục hậu quả” và “Đầu thú” quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Quách Thị N: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi mở phiên tòa bị cáo Quách Thị N đã cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy xác nhận kết quả siêu âm đề ngày 23/6/2023 và ngày 01/8/2023 đều thể hiện bị cáo Quách Thị N được chuẩn đoán hiện tại đang có thai được 24 tuần (do Phòng

khám đa khoa Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành cấp). Do vậy, theo quy định tại mục 9 phần I của Công văn số 212 ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên bị cáo Quách Thị N được hưởng thêm tình tiết tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Đào Văn T: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; **đã trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại**; sau khi phạm tội đầu thú nên T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, **“Người phạm tội sửa chữa, khắc phục hậu quả”** và “Đầu thú” quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

+ Bị cáo Phan Thanh N: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Thị O: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã trả lại một phần tài sản chiếm đoạt cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Người phạm tội sửa chữa, khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Đào Văn T: quá trình điều tra, truy tố thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại tài sản chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội đầu thú nên T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú” quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về vai trò của từng bị cáo:

Đối với tội Trộm cắp tài sản, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm có tổ chức: Bị cáo Nguyễn Thị O là chủ quán, phân công nhiệm vụ cụ thể cho Quách Thị N có nhiệm vụ khi massage cho khách sẽ tìm cách để khách quản lý tài sản sơ hở, để Phan Thanh N trực tiếp trộm cắp tài sản, Đào Văn T là người cảnh giác nên bị cáo O giữ vai trò chính và cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Phan Thanh N và bị cáo Quách Thị N giữ vai trò thứ 2, ngang nhau và cao hơn bị cáo T. Bị cáo Đào Văn T giữ vai trò thấp hơn các bị cáo khác.

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo đồng phạm mang tính giản đơn, không có tổ chức: Bị cáo Phan Thanh N là người trực tiếp đưa ra thông tin gian dối để khách tin là điện thoại của khách đã bị cấm, bị cáo O và bị cáo T đều biết bị cáo Phan Thanh N đưa ra thông tin gian dối nhưng đồng ý và giúp sức

để bị cáo Phan Thanh N thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo Phan Thanh N giữ vai trò chính và cao hơn bị cáo O và bị cáo T.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max và số tiền 2.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn P. Đến nay anh P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 1.500.000 đồng còn thiếu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12 màu xanh của Đào Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 màu xanh của Quách Thị N là điện thoại các bị cáo dùng để liên lạc thông tin với O về việc có khách đến quán sau đó thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của khách nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại di động Phan Thanh N dùng để liên lạc với T, O đã bị rơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên không thu giữ được. Đối với điện thoại di động của O dùng để liên lạc với T, PN, Quách Nam để thực hiện hành vi phạm tội, O đã bán không nhớ cửa hàng đã bán, số tiền bán điện thoại được là 1.200.000 đồng O đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[9]. Do các bị cáo không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[11]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị O, Phan Thanh N, Quách Thị N phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo Đào Văn T thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị O (tức L) 03 (ba) năm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị O (tức L) 08 (tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị O (tức L) phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 tội là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời hạn bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 20/3/2023.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh N 10 (mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Thanh N phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 tội là 03 (ba) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/3/2023.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đào Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đào Văn T 08 (tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đào Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 tội là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam ngày 11/3/2023.

4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm n, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Quách Thị N (tức Thuỷ) 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời hạn bị tạm giữ từ ngày 11/3/2023 đến ngày 20/3/2023.

5. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12 màu xanh của Đào Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 màu xanh của Quách Thị N.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước, buộc Nguyễn Thị O phải nộp lại số tiền bán điện thoại 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị O, Phan Thanh N và Quách Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đào Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang
- Sơ tư pháp Công an tỉnh Bắc Giang
- Công an huyện Việt Yên.
- CCTHADS huyện Việt Yên.
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hồ sơ, Vp

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường